

Bản án số: 45 /2017/HSST
Ngày 06 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh; Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số: 37/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn ĐG, xã N, huyện Đh, tỉnh Thái Bình; số CMND: 152076249; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; con ông: Nguyễn Văn Đ, con bà Nguyễn Thị S; có vợ Nguyễn Thị C (đã ly hôn năm 2007), có 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1997 Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích. Quyết định số: 1177/QĐ-CT, ngày 12/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, đưa Nguyễn Văn T vào cơ sở giáo dục Suối II, Ba Vì, Hà Tây, với thời hạn 24 tháng, Nguyễn Văn T chấp hành xong quyết định số: 1177/QĐ-CT ngày 12/5/2007. Quyết định số: 2443/QĐ-UBND, ngày 10/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, đưa Nguyễn Văn T vào cơ sở giáo dục Suối II, Ba Vì, Hà Tây, với thời hạn 24 tháng, Nguyễn Văn T chấp hành xong quyết định số: 2443/QĐ-UB ngày 11/9/2009. Quyết định đưa người vào cơ sở giáo dục số: 2901/QĐ-UBND, ngày 23/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, đưa Nguyễn Văn T vào cơ sở giáo dục TH, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với

thời hạn 24 tháng, nhưng do Nguyễn Văn T không có mặt tại địa phương nên không đưa T vào cơ sở giáo dục được, đến tháng 02/2016 T về địa phương, nhưng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2017, theo Lệnh tạm giam số: 137/CA-LB ngày 17/4/2017 của Công an quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

(Bị cáo được trích xuất - Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn ĐG, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09/4/2017, chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, trú tại Thôn ĐG, xã N, huyện Đ, cùng con trai là Phạm Thành A, sinh ngày 16/7/2000 trú tại Thôn ĐG, xã N, huyện Đ (nhà chị L chỉ có hai mẹ con) sang nhà bà B cùng thôn để ăn cơm trưa. Khi đi cháu A có khóa cổng còn trong nhà phòng khách, gian buồng chỉ khép không khóa cửa, bên trong phòng ngủ có để 02 chiếc điện thoại di động cũ đang sạc pin của chị L ở nhà. Lúc này Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/4/1976, nơi cư trú: Thôn ĐG, xã N, huyện Đ, đi bộ ngang qua nhà chị L, thấy nhà chị L khóa cổng nhưng cửa chính không khóa, không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định vào để trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân vì T là người nghiện ma túy. T đi bộ ra phía bờ tường nhà chị L (tường cao 1,28 mét), dùng 2 tay đặt lên mặt bờ tường rồi bật nhảy trèo qua tường vào trong nhà chị L. T quan sát gian buồng thì thấy cửa khép không khóa, T đi vào trong gian buồng thì thấy có 02 chiếc điện thoại di động cũ đang sạc pin, trong đó có 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy để trên mặt bàn giáp giường ngủ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus ở dưới giường, hai chiếc điện thoại di động này của chị L đang sạc pin. T tiến đến rút dây sạc của 02 chiếc điện thoại, cầm 02 điện thoại T đi ra theo lối cũ để ra ngoài. T dùng điện thoại di động của T gọi cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, trú tại Thôn Đk, xã N, huyện Đ (là bạn) nói nhờ xuống cổng làng để T nhờ tý việc. C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17K3-8993 của C xuống chỗ hẹn để gặp T, khi gặp nhau T nhờ C chở xuống cầu Nguyễn (cũ) thuộc địa phận thị trấn Đông Hưng có tý việc T không nói gì với C về việc vừa lấy trộm được 02 điện thoại di động, thấy T nhờ, C cũng chở T đi bằng xe mô tô của mình. Cháu A sau khi ăn cơm về nhà thì không thấy 02 chiếc điện thoại nên đã sang nhà bà B báo cho chị L biết, thấy vậy chị L có đi ra cổng nhà bà B thấy T lên xe mô tô do C điều khiển đi về hướng thị trấn Đông Hưng chị L nghi cho T đã lấy trộm 02 điện thoại di động của mình, nên chị L đã về nhà lấy xe mô tô đuổi theo theo C và T. Trên đường đi T nói

với C có 02 chiếc điện thoại mượn được của người em ở Hà Nội và nhờ C cầm hộ để lấy tiền đi chơi nhưng C nói không quen chỗ nào cầm hộ. Khi đến chân cầu Nguyễn (cũ), C dừng xe nói với T để C về nhà lấy tiền đi chơi. Lúc này, chị L đi xe mô tô đuổi theo thì gặp T đứng một mình, chị L nói với T: “T ơi, sao cháu lấy điện thoại của cô, nếu lấy cầm ở đâu bảo cô để cô chuộc, coi như tiền chuộc cô cho mày”. T nói với chị L: “Cháu lấy và trót cầm 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), cô cho cháu mượn 600.000 đồng đi chuộc lại điện thoại về cho cô, khi nào có tiền cháu trả”, sau đó T hẹn gặp lại chị L ở chân cầu Nguyễn (cũ) sẽ trả lại 02 điện thoại, một lúc sau C quay lại chỗ T, chứng kiến chị L và T có trao đổi với nhau nhưng nội dung cụ thể C không nghe được, sau đó T bảo C chờ T đi đến khu vui chơi Hà Thành, thuộc địa phận xã X, huyện Đ, C dừng xe, T xuống đi bộ sang bên kia đường 10, khoảng 10 phút sau T quay ra bảo C chờ về khu vực cầu U (cũ), khi đi đến cổng công ty S thì T đưa cho C 02 điện thoại di động và nói: “cầm hộ tý đưa cho bà kia”. Vì không có tiền mang theo nên chị L đã mượn 600.000 đồng của anh Nguyễn Tiến R, sinh năm 1960, trú tại Thôn ĐG, xã N, huyện Đ để đưa cho T. Khi C chờ T quay lại gặp chị L, T bảo C đưa cho chị L 02 điện thoại di động, chị L cầm điện thoại và đưa 600.000 đồng cho T, T nói với chị L: “Cháu mượn tiền của nó chuộc lại điện thoại, cô cứ đưa tiền cho thằng em cháu”, chị L đưa 600.000 đồng cho C sau đó C đưa lại số tiền trên cho T, còn chị L đến Công an huyện Đông Hưng trình báo. Cơ quan điều tra công an huyện Đông Hưng đã tiến hành xác minh, điều tra nhưng T không có mặt tại địa phương. Ngày 17/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội về việc khởi tố, bắt tạm giam Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại trại giam số 1, Công an Thành phố Hà Nội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã quản lý của chị Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus vỏ màu đen đã cũ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy vỏ màu đen đã cũ.

Ngày 10/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Asus vỏ nhựa màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng còn 80%, có trị giá là 2.560.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy YGT 85360 vỏ nhựa màu đen, đã qua sử dụng còn 20% có giá trị là 500.000 đồng. Tổng 02 điện thoại có giá trị là 3.060.000 đồng. Sau khi định giá tài sản Cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại trên cho chị L.

Tại bản cáo trạng số: 39/KSĐT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 45, Điều 33, Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng (chín tháng) đến 01 năm (một năm) tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 11 tháng (hai năm mười một tháng) đến 03 năm 02 tháng tù (ba năm hai tháng), thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo thừa nhận vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 09/4/2017 đã lén lút trèo tường vào nhà chị L trộm cắp 02 điện thoại di động có trị giá 3.060.000 đồng, lời khai của bị cáo còn phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm và được chứng minh bằng các chứng cứ sau:

- Đơn trình báo của người bị hại chị L (Bút lục số 22)
- Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường (BL số 18 đến 21)
- Biên bản định giá tài sản và kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 10/4/2017(BL số 09 đến 10)
- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng anh Phạm Thành A, sinh năm 2000; và ông Nguyễn Tiến R, sinh năm 1960; cùng trú tại: Thôn ĐG, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình,

anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, trú tại: Thôn Đk, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (BL số 29 đến 34; số 48 đến 51).

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trèo tường vào nhà chị Nguyễn Thị L lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động trị giá 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), bị cáo có nhân thân xấu, vì vậy cần thiết phải áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Do bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, Hội đồng xét xử không cần áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo, vì vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Nguyễn Văn T đang phải chấp hành hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017, bản án này đã có hiệu lực pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự, để tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Đối với Nguyễn Văn C có điều khiển xe mô tô chở T đi vào ngày 09/4/2017, sau khi T lấy trộm được 02 điện thoại di động của chị L, nhưng C hoàn toàn không biết việc T trộm cắp tài sản của chị L và T cũng không nói gì với C về việc T vừa lấy trộm được

02 chiếc điện thoại di động, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình không có căn cứ để xử lý đối với C.

Đối với số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) mà chị L đưa cho bị cáo T vào ngày 09/4/2017, khi đưa cho T số tiền này chị L có nói với T là cho T số tiền này để chuộc lại điện thoại trả lại cho chị L, còn T thì nói vay số tiền này của chị L để chuộc điện thoại trả lại cho chị L, bao giờ có thì T trả lại cho chị L, tại phiên tòa hôm nay chị L đã trình bày không yêu cầu T phải trả số tiền này cho chị L và đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền 600.000 đồng chị L đã đưa cho T ngày 09/4/2017, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 11/4/2017 chị L đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, trả lại 02 chiếc điện thoại di động, gồm 01 chiếc điện thoại Asus vỏ màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy YGT 85360 vỏ màu đen đã cũ, chị L đã nhận lại đủ tài sản của mình và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, việc xử lý vật chứng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 50 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, xử phạt Nguyễn Văn T 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017. Buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 11 tháng (hai năm mười một tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động, gồm 01 chiếc điện thoại Asus vỏ màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động SamSung galaxy vỏ màu đen đã cũ, cho người bị hại chị Nguyễn Thị L vào ngày 11/4/2017, chị L đã nhận lại 02 chiếc điện thoại di động này và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Án phí: Áp dụng Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Văn T và người bị hại chị Nguyễn Thị L, báo cho bị cáo và người bị hại biết biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Bị cáo T;
- Công an Huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng

